**PHỤ LỤC I**

**Danh sách các thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về SPS của các nước thành viên WTO từ ngày 21/12/2024 đến ngày 20/01/2025**

(Ban hành kèm theo Công văn số:    /XNK-NS, ngày tháng năm 2025)

1. **DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐANG XIN Ý KIẾN CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung thông báo** |
|  | G/SPS/N/UKR/154/Add.2 | TY | Ucraina | 20/01/2025 | Ban hành Luật về Thuốc thú y  | Ucraina thông báo ngày ban hành Luật số 1206-IX "Thuốc thú y" ngày 04/02/2021 (được thông báo trong G/SPS/N/UKR/154/Add.1) đã được sửa đổi thành ngày 01/09/2025. |
|  | G/SPS/N/NZL/780 | TY | Niu Di-lân | 20/01/2025 | Dự thảo Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: mèo và chó | Dự thảo Tiêu chuẩn y tế nhập khẩu dành cho mèo và chó đã được đưa ra thảo luận và lấy ý kiến đối với những thay đổi đc đề xuất. Sau lần lấy ý kiến thứ nhất vào năm 2021, các yêu cầu nhập khẩu về bệnh dại và cư trú được yêu cầu xem xét do có lo ngại về gian lận. Thông báo này là lần lấy ý kiến thứ hai. Trong khoảng thời gian giữa hai lần lấy ý kiến, các yêu cầu về bệnh dại và cư trú đã được xem xét lại, đồng thời công tác đánh giá rủi ro đối với *Brucella canis* và *Babesia* spp. đã được hoàn thành.  |
|  | G/SPS/N/ARE/289/Add.1, G/SPS/N/BHR/245/Add.1, G/SPS/N/KWT/164/Add.1, G/SPS/N/OMN/140/Add.1, G/SPS/N/QAT/144/Add.1, G/SPS/N/SAU/549/Add.1, G/SPS/N/YEM/85/Add.1 | ATTP | Các quốc gia Ả Rập | 20/01/2025 | Dự thảo cuối cùng của "Các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật thay thế cho thịt và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (dành cho người ăn chay, thuần chay)" | Bổ sung tài liệu dự thảo tại lkien kết sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/SAU/25_00703_00_x.pdf> |
|  | G/SPS/N/USA/3502 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 17/01/2025 | Tiếp nhận kiến nghị về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa (Tháng 11/2024) | Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được đơn kiến nghị về thuốc bảo vệ thực vật, đề nghị thiết lập hoặc sửa đổi quy định về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể:1. Đề xuất mở rộng miễn trừ giới hạn dư lượng đối với hợp chất Chlorate. Cho phép dư lượng hợp chất Chlorate từ khí Clo dioxide trong các nhóm cây trồng như rau củ, trái cây có múi, hạt có dầu, ngũ cốc và thức ăn chăn nuôi. EPA không yêu cầu phương pháp phân tích vì đề xuất này miễn trừ giới hạn dư lượng.2.Đề xuất sửa đổi mức dư lượng của hoạt chất Bifenthrin. Điều chỉnh mức dư lượng tối đa trong rau lá, cây họ đậu, cây họ cam quýt, cây có dầu. Loại bỏ mức dư lượng trước đây của Bifenthrin trong một số nhóm thực phẩm như họ cải (0,06 ppm), đậu khô (0,15 ppm), đậu mọng (0,05 ppm), hạt cải dầu (0,05 ppm).3. Đề xuất điều chỉnh mức dư lượng của hoạt chất Permethrin. Loại bỏ dư lượng Permethrin trong các sản phẩm như: ngô (0,05ppm), ngô ngọt (0,1)ppm, rau lá xanh (20ppm), rau diếp (20ppm), rau bina (20 ppm).4. Đề xuất thiết lập mức dư lượng mới cho một số hoạt chất bảo vệ thực vật:- L-Arginine: Đề xuất miễn trừ giới hạn khi sử dụng làm chất ổn định protein trong thuốc bảo vệ thực vật (≤1% trọng lượng).- Pydiflumetofen: Thiết lập mức dư lượng tối đa trên cà phê hạt xanh (0,2 ppm), thanh long (0,9 ppm).- Acetochlor: Đề xuất mức dư lượng tối đa cho hạt cải dầu (0,6 ppm), hạt pennycress (0,05 ppm).- Fluazinam: Thiết lập mức dư lượng trên nho (3 ppm), dâu tây (0,01 ppm), rau họ cải (5 ppm).- Cypermethrin: Đề xuất thiết lập mức dư lượng cho ca cao hạt khô và các sản phẩm chế biến từ ca cao (0,02 ppm). |
|  | G/SPS/N/UKR/235 | ATTP | Ucraina | 17/01/2025 | Dự thảo Quyết định của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt yêu cầu đối với hương liệu hun khói" | Dự thảo Quyết định nhằm thiết lập các yêu cầu đối với hương liệu hun khói và đảm bảo sự hài hòa của pháp luật Ucraina với các quy định của Liên minh Châu Âu về phụ gia thực phẩm, hương liệu thực phẩm và enzym thực phẩm.Các yêu cầu này quy định các tiêu chí chung đối với hương liệu hun khói, điều kiện sử dụng và sản xuất, áp dụng đối với:* Hương liệu hun khói được sử dụng hoặc dự kiến sử dụng trong và/hoặc trên thực phẩm;
* Nguyên liệu đầu vào để sản xuất hương liệu hun khói;
* Điều kiện sản xuất hương liệu hun khói;
* Thực phẩm có chứa hương liệu hun khói trong và/hoặc trên sản phẩm.

Các yêu cầu này được xây dựng dựa trên **Quy định (EC) số 2065/2003** ngày 10/11/2003 về hương liệu khói được sử dụng hoặc dự kiến sử dụng trong và/hoặc trên thực phẩm, cũng như **Quy định (EC) số 627/2006** ngày 21/4/2006 về tiêu chí chất lượng đối với phương pháp phân tích đã được xác thực để lấy mẫu, xác định và đặc trưng các sản phẩm hun khói sơ cấp. |
|  | G/SPS/N/JPN/1324 | ATTP, BVT, CLCB | Nhật Bản | 17/01/2025 | Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Mandestrobin.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản phẩm | MRL (dự thảo) | MRL (hiện tại) |
| Cà chua | 5 | 10 |
| Dưa chuột (bao gồm dưa chuột muối) | 1 | 2 |
| “Các loại rau khác” là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (có vỏ, còn non), đậu tây (có vỏ, còn non), đậu nành xanh, nấm, gia vị và thảo mộc. | 25 | 10 |
| Nho | 20 | 10 |
| Trà | 30 | 40 |
| “Các loại thảo mộc khác” là tất cả các loại thảo mộc, ngoại trừ cải xoong, nira, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây. | 70 | 40 |
| Động vật dưới nước | 0.02 |  |

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo |
|  | G/SPS/N/JPN/1323 | ATTP, BVT, TY | Nhật Bản | 17/01/2025 | Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp | Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp: thuốc trừ sâu Flupyrimin

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản phẩm | MRL (dự thảo) | MRL (hiện tại) |
| Gạo (gạo lật) | 1 | 0.7 |
| Gan gia súc | 0.02 | 0.01 |
| Gan lợn | 0.02 | 0.01 |
| Gan động vật có vú trên cạn khác | 0.02 | 0.01 |
| “Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của gia súc | 0.02 | 0.01 |
| “Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của lợn | 0.02 | 0.01 |
| “Nội tạng ăn được” là tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ cơ, mỡ, gan và thận của các động vật có vú trên cạn khác | 0.02 | 0.01 |

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo |
|  | G/SPS/N/JPN/1322 | ATTP, BVT, TY | Nhật Bản | 17/01/2025 | Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho các loại hóa chất nông nghiệp sau: Thuốc trừ sâu Fluazinam.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản phẩm | MRL (dự thảo) | MRL (hiện tại) |
| “Đậu khô” bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu pegia, đậu sultani, đậu sultapya và đậu trắng. | 0.05 | 0.1 |
| Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai mỡ Trung Quốc) | 0.01 | 0.05 |
| Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải) | 0.03 | 0.05 |
| Cây ngưu bàng | 0.1 | 0.2 |
| Rau diếp (bao gồm rau diếp xoăn và rau diếp lá) | 0.01 | 0.05 |
| Hành | 0.1 | 0.2 |
| Hành tây xứ Wales (bao gồm cả tỏi tây) | 0.02 | 0.05 |
| Tỏi | 0.2 |  |
| Quả cam natsudaidai, nguyên quả | 3 | 5 |
| Chanh vàng | 2 | 5 |
| Cam (bao gồm cả cam rốn) | 2 | 5 |
| Bưởi | 3 | 5 |
| Chanh xanh | 2 | 5 |
| “Các loại trái cây họ cam quýt khác” là tất cả các loại trái cây họ cam quýt, ngoại trừ quýt Unshu, cam Natsudaidai, vỏ cam Natsudaidai, toàn bộ quả cam Natsudaidai, chanh, cam (bao gồm cam Navel), bưởi, chanh xanh và gia vị. | 3 | 5 |
| Lê Nhật | 0.1 | 0.2 |
| Lê | 0.1 | 0.2 |
| Mận mume | 0.1 | 0.2 |
| Xoài | 0.5 |  |
| Trà | 9 | 6 |
| Mật ong (bao gồm sữa ong chúa) | 0.05 |  |

Một số sản phẩm khác được giữ nguyên theo quy định cũ hoặc đồng nhất mức MRL 0,01 nếu không được liệt kê trong dự thảo |
|  | G/SPS/N/GBR/81 | TY | Vương quốc Anh | 17/01/2025 | Tuyên bố về các biện pháp đặc biệt:Nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ động vật dễ mắc bệnh đến từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan năm 2011 (SI 2011/1197);Bệnh lở mồm long móng - nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ các loài động vật dễ mắc bệnh từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan (Scotland) năm 2012;Nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ các loài động vật dễ mắc bệnh lở mồm long móng từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan (Wales) năm 2011 (SI 2011/2379 (W. 252)). | Các biện pháp đặc biệt này dùng để ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh lở mồm long móng vào Vương quốc Anh. Ngoài ra, nguy cơ xâm nhập của các bệnh như dịch tả lợn (CSF) và dịch tả lợn châu Phi (ASF) cũng cần được ngăn chặn.Việc nhập khẩu vỏ bọc nguồn gốc từ các loài dễ mắc bệnh đang bị hạn chế đối với các quốc gia đủ điều kiện xuất khẩu thịt tươi của loài đó vào Vương quốc Anh hoặc các quốc gia được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận là không có bệnh lở mồm long móng, dù có hoặc không có tiêm phòng, cùng với các quốc gia sau: Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Iran, Cộng hòa Liban, Maroc, Mông Cổ, Pakistan, Tunisia và Uzbekistan, với điều kiện phải tuân thủ yêu cầu xử lý giảm thiểu rủi ro. Các biện pháp này cũng áp dụng các yêu cầu chứng nhận phù hợp với các khuyến nghị nêu trong Điều 8.8.41 (FMD), 15.1.24 (ASF) và 15.2.24 (CSF) của Bộ luật động vật trên cạn của WOAH |
|  | G/SPS/N/GBR/80 | TY | Vương quốc Anh | 17/01/2025 | Tuyên bố về các biện pháp đặc biệt:Nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ động vật dễ mắc bệnh đến từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan năm 2011 (SI 2011/1197);Bệnh lở mồm long móng - nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ các loài động vật dễ mắc bệnh từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan (Scotland) năm 2012;Nhập khẩu vỏ bọc có nguồn gốc từ các loài động vật dễ mắc bệnh lở mồm long móng từ một số nước thứ ba và vùng lãnh thổ theo Quy định về buôn bán động vật và các sản phẩm liên quan (Wales) năm 2011 (SI 2011/2379 (W. 252)). | Các biện pháp đặc biệt này dùng để ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh lở mồm long móng vào Vương quốc Anh.Việc cấm nhập khẩu len và lông chưa qua xử lý từ các loài động vật dễ mắc bệnh lở mồm long móng từ bất kỳ quốc gia nào hoặc khu vực không được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận là không có bệnh lở mồm long móng, dù có hoặc không có tiêm phòng. Điều này phù hợp với khuyến nghị được nêu trong Điều 8.8.30 của Bộ luật Động vật trên cạn của WOAH.Việc nhập khẩu len và lông chưa qua xử lý từ các loài động vật dễ mắc bệnh lở mồm long móng vào Vương quốc Anh phải đến từ các quốc gia, khu vực được được Tổ chức Thú y Thế giới công nhận là không có bệnh lở mồm long móng. |
|  | G/SPS/N/EGY/157 | BVTV | Ai Cập | 17/01/2025 | Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 "Lúa mì - phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì (*Triticum Durum* Desf.)". | Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 "Lúa mì - phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì (*Tritium Durum* Desf.)" quy định các yêu cầu cơ bản, phương pháp kiểm tra và thử nghiệm đối với lúa mì (*Triticum durum* Desf.) được sử dụng trong ngành công nghiệp xay xát để phục vụ tiêu dùng của con người. Phần này hủy bỏ và thay thế phiên bản ES 1601/2005 trước đó, được ban hành theo Nghị định Bộ trưởng số 515/2005.  |
|  | G/SPS/N/ARG/271 | BVTV | Argentina | 17/01/2025 | Bổ sung virus Pepino (PepMV) vào các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với các loài cây chủ có nguồn gốc từ các quốc gia nơi xuất hiện loại virus này | Thông báo quy định *Pepino mosaic virus* (PepMV) đã được đưa vào các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống (vật liệu sinh dưỡng và hạt giống) của các loài vật chủ *Solanum lycopersicum* (cà chua), *Solanum melongena* (cà tím) và *Solanum muricatum* (pepino) có nguồn gốc từ các quốc gia nơi virus này xuất hiện, bổ sung tuyên bố sau:"Lô hàng được xác nhận không nhiễm virus Pepino (PepMV) theo kết quả kiểm tra của phòng thí nghiệm chính thức số (...)." |
|  | G/SPS/N/UKR/234 | ATTP | Ucraina | 16/01/2025 | Dự thảo Nghị quyết "Phê duyệt quy trình phân loại nước uống là nước khoáng thiên nhiên". | Dự thảo Nghị quyết về việc thiết lập các yêu cầu để phân loại nước uống là nước khoáng tự nhiên và điều chỉnh luật của Ucraina phù hợp với luật của Liên minh Châu Âu. Dự thảo sẽ áp dụng cho nước uống được khai thác tại Ucraina hoặc các quốc gia khác. Nước uống có thể được phân loại là nước khoáng tự nhiên nếu đáp ứng các yêu cầu và tiêu chí quy định trong Mục III và IV của dự thảo này, đồng thời đã trải qua ít nhất một lần kiểm tra đánh giá sự phù hợp theo các yêu cầu được nêu trong Mục III và IV của mục “Yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và lưu thông nước khoáng tự nhiên và nước suối (trước đây đã được thông báo trong G/SPS/N/UKR/156/Add.1). Dự thảo cũng quy định rằng nước khoáng tự nhiên đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về an toàn thực phẩm và một số chỉ tiêu chất lượng có hiệu lực trước khi Nghị quyết này được ban hành nhưng không đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết này vẫn có thể được sản xuất và lưu hành trên thị trường trong thời gian tối đa ba năm sau khi Nghị quyết này có hiệu lực và có thể tiếp tục lưu thông cho đến hết hạn sử dụng  |
|  | G/SPS/N/KWT/168 | BCT | Kuwait | 16/01/2025 | Thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật số 2483:2024 của GSO về chất béo chuyển hóa | Quy chuẩn kỹ thuật số 2483:2024 của GSO về chất béo chuyển hóa với thời gian gia hạn đến ngày 01/5/2025. |
|  | G/SPS/N/USA/3501 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 16/01/2025 | Dự thảo dư lượng tồn dư thuốc trừ sâu Ethiprole.  | Quy định thiết lập mức dư lượng tồn dư cho ethiprole trong hoặc trên mía, cụ thể:Mức dư lượng được điều chỉnh từ 0,1 ppm xuống còn 0,07 ppm. |
|  | G/SPS/N/ARE/292, G/SPS/N/BHR/248, G/SPS/N/KWT/167, G/SPS/N/OMN/143, G/SPS/N/QAT/147, G/SPS/N/SAU/552, G/SPS/N/YEM/88 | BCT | Các quốc gia Ả Rập | 15/01/2025 | Đồ uống cô đặc có hương vị | Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho đồ uống cô đặc có hương vị được chế biến để tiêu thụ sau khi pha loãng với nước. |
|  | G/SPS/N/GEO/33 | BVTV | Georgia | 13/01/2025 | Quy chuẩn kỹ thuật - Quy định về phòng chống sâu đục quả họ cam quýt *Anoplophora chinensis* (Forster) | Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các biện pháp kiểm dịch thực vật nhằm ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của sâu đục quả họ cam quýt xén tóc hoa (Anoplophora chinensis*)* trong lãnh thổ Georgia.Lưu ý: Điều 3. Nhập khẩu thực vật cụ thể (trừ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) Thực vật cụ thể chỉ được phép nhập khẩu từ các quốc gia khác ngoài Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nếu:- Chúng đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu cụ thể nêu trong đoạn đầu tiên của Phụ lục số 1 - "Yêu cầu nhập khẩu cụ thể";- Kết quả kiểm tra do cơ quan và/hoặc cơ quan thực hiện, trong phạm vi thẩm quyền của mình, về sự hiện diện của một sinh vật cụ thể (theo đoạn 2 của Phụ lục số 1), các dấu hiệu đặc trưng của một sinh vật cụ thể không được phát hiệnchi tiết dự thảo tại:<https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/GEO/25_00048_00_e.pdf> |
|  | G/SPS/N/ARE/206/Add.2, G/SPS/N/BHR/214/Add.2, G/SPS/N/KWT/79/Add.2, G/SPS/N/OMN/111/Add.2, G/SPS/N/QAT/115/Add.2, G/SPS/N/SAU/436/Add.2, G/SPS/N/YEM/56/Add.2 | ATTP | Các quốc gia Ả Rập | 13/01/2025 | Sửa định nghĩa trong dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về "Phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm" | Ngày 30/9/2020, Vương quốc Ả Rập Xê Út đã thông báo về dự thảo quy định (G/SPS/N/SAU/436), các sửa đổi bao gồm các định nghĩa như sau: 1. Phụ gia thực phẩm; 2. Thực phẩm được phép sử dụng phụ gia; 3. Thực phẩm không được phép sử dụng phụ gia; 4. Giới hạn tối đa cho phép sử dụng phụ gia thực phẩm. |
|  | G/SPS/N/UGA/416 | ATTP | Uganda | 10/01/2025 | DUS 2245:2024, An toàn thực phẩm — Yêu cầu, Ấn bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Uganda quy định các yêu cầu cơ bản cần đáp ứng để thực phẩm được coi là an toàn cho con người sử dụng hoặc chế biến và các trường hợp không có tiêu chuẩn sản phẩm cụ thể. |
|  | G/SPS/N/EU/799/Corr.1 | TY, CN | Liên minh Châu Âu | 10/01/2025 | 2024/90626: Quy định (EU) 2024/2427 ngày 16/9/2024 về việc cấp phép tinh dầu rau mùi từ *Coriandrum sativum* L. làm phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật | Tại trang 4, Quy định (EU) 2024/2427 ngày 16/9/2024, phần Phụ lục, cột thứ ba của bảng "Thông số kỹ thuật" được sửa lại như sau:"Linalool: 65,78 %", "γ-Terpinene: 3,7%", "Camphor: 3,6%", "d-Limonene: 0,5,4%", "Geraniol: 0,1,3%", "Myrcene: 0,1,2%" sửa lại thành: "Linalool: 65-78%", "γ-Terpinene: 3-7%", "Camphor: 3-6%", "d-Limonene: 0,5-4%", "Geraniol: 0,1-3%", "Myrcene: 0,1-2%". |
|  | G/SPS/N/CHN/1324 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Trung Quốc | 10/01/2025 | Dự thảo sửa đổi Nghị định đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa | Tổng cục Hải Quan Trung Quốc (GACC) thông báo dự thảo sửa sửa đổi Quy định của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nhập khẩu ở nước ngoài. Một số thay đổi giữa Nghị định 248 và Dự thảo:* Xóa: “Điều 5.1 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của quốc gia (khu vực) đặt trụ sở đã được Tổng cục Hải quan đánh giá, xét duyệt tương đương” về Điều kiện đăng ký;
* Thêm: Điều 6-8 (dự thảo) về công nhận hệ thống tương đương;
* Gộp: Điều 6, 8, 9 (Nghị định số 248) vào Điều 9 và 10 (dự thảo) về đơn đăng ký doanh nghiệp;
* Xóa: Điều 7 (Nghị định số 248) “danh sách các sản phẩm sẽ được các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia/khu vực giới thiệu đến GACC để đăng ký” thay bằng Điều 11 (dự thảo) “Tổng cục Hải quan ban hành Danh mục thực phẩm yêu cầu Thư đăng ký khuyến nghị chính thức”
* Xóa: “Thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi số đăng ký do quốc gia (khu vực) cấp” khỏi Điều 19 (dự thảo) về thay đổi thông tin;
* Xóa: “gia hạn đăng ký trong thời hạn từ 3 đến 6 tháng trước khi hết thời hạn đăng ký” khỏi Điều 21 (dự thảo) về gia hạn đăng ký;
* Thêm: Điều 28 (dự thảo) về miễn trừ đăng ký;

- Bãi bỏ Nghị định số 248. |
|  | G/SPS/N/USA/3305/Add.2 | ATTP | Hoa Kỳ | 09/01/2025 | Food Contact Notifications (FCNs: phương pháp chính mà Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm) không còn hiệu lực; | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) công bố Food Contact Notifications (FCNs: phương pháp chính mà Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm) được liệt kê trong thông báo này không còn hiệu lực. Một số nhà sản xuất đã thông báo cho FDA bằng văn bản rằng họ đã ngừng sản xuất, cung cấp hoặc sử dụng FCS cho mục đích sử dụng ​​tại Hoa Kỳ. FDA xác định rằng FCN không còn hiệu lực nữa.Ngày áp dụng: Quyết định đối với các FCN được liệt kê trong bảng 1 và bảng 2 có hiệu lực từ ngày 6/01/2025.Ngày có hiệu lực: Ngày 30/06/2025. |
|  | G/SPS/N/URY/86 | TY | Uruguay | 09/01/2025 | Dự thảo Nghị định về "Tiêu chuẩn chung của các quốc gia thành viên MERCOSUR về đánh giá và công nhận tình trạng an toàn thực phẩm của các nước xuất khẩu" | Dự thảo Nghị định thông qua các tiêu chí chung của các quốc gia thành viên MERCOSUR về đánh giá và công nhận tình trạng an toàn thực phẩm của các nước xuất khẩu, nhằm hài hòa hóa các tiêu chí đánh giá và công nhận của các nước thứ ba đối với các bệnh động vật ảnh hưởng đến thương mại quốc tế. |
|  | G/SPS/N/UKR/233 | BVTV | Ucraina | 09/01/2025 | Dự thảo Nghị quyết " Quy định đối về biến đổi gen và kiểm soát của Nhà nước đối với việc đưa sản phẩm biến đổi gen ra thị trường ". | Dự thảo Nghị quyết "Quy định đối về biến đổi gen và kiểm soát của Nhà nước đối với việc đưa sản phẩm biến đổi gen ra thị trường" và để điều chỉnh luật pháp Ucraina phù hợp với luật của Liên minh Châu Âu.Dự thảo đề xuất:1) Phê duyệt:− Thủ tục đăng ký nhà nước (đăng ký lại) đối với sinh vật biến đổi gen;− Thủ tục đình chỉ đăng ký nhà nước đối với sinh vật biến đổi gen;− Thủ tục xem xét chống lại đơn đăng ký nhà nước đối với sinh vật biến đổi gen;− Biểu mẫu đơn đăng ký nhà nước đối với sinh vật biến đổi gen;− Các yêu cầu đối với đơn đăng ký nhà nước đối với sinh vật biến đổi gen và các tài liệu cần có trong đơn đăng ký đó.2) Bãi bỏ:− Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina số 808 "Một số vấn đề về phê duyệt (thử nghiệm) và đăng ký các sinh vật biến đổi gen của giống cây trồng nông nghiệp", ngày 23/07/2009;− Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng Ucraina số 919 "Về hệ thống an toàn sinh học của Nhà nước trong việc tạo ra, thử nghiệm, vận chuyển và sử dụng các sinh vật biến đổi gen", ngày 12/10/2010. |
|  | G/SPS/N/NIC/129 | CLCB, TY | Nicaragua | 09/01/2025 | Nghị quyết số 01-2024 của Ủy ban Tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia. | Nghị quyết thông qua các Tiêu chuẩn quốc tế và Quy tắc thực hành của Codex Alimentarius cho các sản phẩm thủy sản và nuôi trồng thủy sản, được công bố trên La Gaceta, Công báo chính thức số 68 ngày 18/04/2024. Các văn bản được thông qua như sau: • CXS 36, Tiêu chuẩn cho cá đông lạnh nhanh chưa moi ruột và đã moi ruột;• CXS 37, Tiêu chuẩn cho tôm đóng hộp;• CXC 52, Bộ quy tắc thực hành đối với cá và sản phẩm thủy sản;• CXS 92, Tiêu chuẩn cho tôm đông lạnh nhanh;• CXS 95, Tiêu chuẩn cho tôm hùm đông lạnh nhanh. |
|  | G/SPS/N/MAR/111 | CLCB | MAROC | 09/01/2025 | Dự thảo nghị định quy định tên gọi và đặc điểm của các loại nước sốt được bán trên thị trường. | Dự thảo nghị định do Cục An toàn thực phẩm quốc gia soạn thảo nhằm mục đích:• Xác định các sản phẩm thuộc nhóm sốt nhũ hóa (sốt mayonnaise, sốt mayonnaise pha chế, nước sốt trộn salad, v.v.) và các sản phẩm thuộc nhóm sốt không nhũ hóa (tương cà, xì dầu, mù tạt, mù tạt Dijon, mù tạt ngọt, sốt ớt, harissa, sốt cà chua, v.v.);• Xác định đặc tính lý hóa của nước sốt thương mại;• Cố định hàm lượng etanol lên men như một chất phụ gia hương vị không được vượt quá 0,5% (v/v) trong nước sốt thương mại. |
|  | G/SPS/N/EU/805 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 09/01/2025 | Dự thảo không gia hạn phê duyệt hoạt chất flufenacet theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng, và sửa đổi Quy định (EU) số 540/2011 và 2015/408. | EU đề xuất không gia hạn thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất flufenacet, theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia thành viên EU sẽ thu hồi giấy phép cho các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa flufenacet.Theo kết quả đánh giá rủi ro, flufenacet không đáp ứng các tiêu chí phê duyệt như được nêu trong Quy định (EC) số 1107/2009 do có các lo ngại liên quan đến ô nhiễm nguồn nước và nguyên nhân gây mầm bệnh cho con người và động vật.Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa chất này và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa chất này ra khỏi thị trường. Sau khi quyết định này có hiệu lực, sẽ có dự thảo quy định mức MRL.  |
|  | G/SPS/N/BDI/129, G/SPS/N/KEN/326, G/SPS/N/RWA/122, G/SPS/N/TZA/424, G/SPS/N/UGA/415 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 955: 2024, Sản xuất các sản phẩm thịt đóng gói — Yêu cầu an toàn thực phẩm | Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu đối với việc sản xuất các sản phẩm thịt đóng gói tại nhà máy chế biến thịt |
|  | G/SPS/N/BDI/128, G/SPS/N/KEN/325, G/SPS/N/RWA/121, G/SPS/N/TZA/423, G/SPS/N/UGA/414 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 1242: 2024, Thịt chế biến — Bộ quy tắc thực hành, Ấn bản đầu tiên. | Dự dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi cung cấp hướng dẫn cho các bước chế biến chính liên quan đến việc sản xuất thịt dùng làm thực phẩm cho con người. |
|  | G/SPS/N/BDI/127, G/SPS/N/KEN/324, G/SPS/N/RWA/120, G/SPS/N/TZA/422, G/SPS/N/UGA/413 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 84-1: 2024, Các loại thịt và các phần thịt cắt — Đặc điểm kỹ thuật — Phần 1: Các loại thịt bò và các phần thịt cắt, Ấn bản thứ ba | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các phương pháp phân loại và các cấp độ của thịt bò bao gồm thịt bê, các yêu cầu về chất lượng và an toàn, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các phần thịt được dùng làm thực phẩm cho con người.Tiêu chuẩn này cũng quy định các phần chính của các phần thịt cắt từ phần thân thịt để bán |
|  | G/SPS/N/BDI/126, G/SPS/N/KEN/323, G/SPS/N/RWA/119, G/SPS/N/TZA/421, G/SPS/N/UGA/412 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 26: 2024, Thịt bò muối đóng hộp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với các sản phẩm thịt bò muối đóng hộp dùng cho con người. |
|  | G/SPS/N/BDI/125, G/SPS/N/KEN/322, G/SPS/N/RWA/118, G/SPS/N/TZA/420, G/SPS/N/UGA/411 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 953: 2024, Gia cầm đã chế biến — Đặc điểm kỹ thuật | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với gia cầm đã chế biến. Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loài gia cầm được thuần hóa để làm thực phẩm cho con người. |
|  | G/SPS/N/BDI/124, G/SPS/N/KEN/321, G/SPS/N/RWA/117, G/SPS/N/TZA/419, G/SPS/N/UGA/410 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 09/01/2025 | DEAS 1243: 2024, Nước dùng từ thịt — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên. | Bản dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với nước dùng từ thịt được chế biến từ động vật dùng làm thực phẩm cho con người |
|  | G/SPS/N/ARE/289, G/SPS/N/BHR/245, G/SPS/N/KWT/164, G/SPS/N/OMN/140, G/SPS/N/QAT/144, G/SPS/N/SAU/549, G/SPS/N/YEM/85 | ATTP | Các quốc gia Ả Rập | 09/01/2025 | Dự thảo cuối cùng của Tiêu chuẩn "Các thực phẩm có nguồn gốc thực vật thay thế cho thịt và các sản phẩm khác có nguồn gốc động vật (dành cho người ăn chay, thuần chay)" | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu đối với thực phẩm chay và thuần chay thay thế cho thịt và các sản phẩm có nguồn gốc động vật như: trứng, sữa, các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, chất béo, v.v. và có ghi nhãn (Chay hoặc Thuần chay). |
|  | G/SPS/N/ARE/285, G/SPS/N/BHR/241, G/SPS/N/KWT/160, G/SPS/N/OMN/136, G/SPS/N/QAT/140, G/SPS/N/SAU/545, G/SPS/N/YEM/81 | BVTV | Các quốc gia Ả Rập | 09/01/2025 | Công bố dự thảo cuối cùng của "Tiêu chuẩn đậu nành" | Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hạt đậu nành làm thực phẩm cho con người.  |
|  | G/SPS/N/IDN/154 | CLCB, TY | Indonesia | 08/01/2025 | Nghị định "Các thủ tục về các Biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp đối với nhập khẩu cá và sản phẩm từ cá" | Cơ quan kiểm dịch Indonesia ban hành Nghị định "Các thủ tục về các Biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp đối với nhập khẩu cá và sản phẩm từ cá ", thông báo như sau: 1. Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho cá và các sản phẩm từ cá nhập khẩu vào Indonesia.2. Nội dung: Nghị định này điều chỉnh các thủ tục về biện pháp kiểm dịch và giám sát tích hợp, bao gồm: (1) Các yêu cầu và thủ tục nhập khẩu, (2) mẫu của Giấy chứng nhận sức khỏe (HC) được cấp từ quốc gia xuất xứ đối với cá và các sản phẩm từ cá xuất khẩu vào Indonesia.3. Hiệu lực thi hành: Quy định dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố. 4. Thời hạn nhận góp ý: không áp dụng. |
|  | G/SPS/N/CHL/820 | BVTV | Chi lê | 08/01/2025 | Sửa đổi nghị quyết thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu hạt giống, kết hợp các yêu cầu kiểm dịch để kiểm soát cỏ dại. | Quy định này thiết lập yêu cầu kiểm dịch thực vật mới đối với việc nhập khẩu hạt giống nhằm mục đích kiểm soát sự xâm nhập của cỏ dại kiểm dịch và phân tích xác định cỏ dại trong lô hàng. |
|  | G/SPS/N/CHL/819 | BVTV | Chi lê | 08/01/2025 | Sửa đổi Nghị quyết số 7.424 năm 2013 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nấm để nhân giống và tiêu dùng | Dự thảo sửa đổi Nghị quyết số 7.424 năm 2013, trong đó thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nấm để nhân giống và tiêu dùng, cụ thể như sau:1. Trong phần 2, một gạch đầu dòng mới được thêm vào với nội dung sau: "Rơm lúa mì *Triticum* spp."; 2. Phần 4 được thay thế bằng nội dung sau: "Đối với các lô hàng có giá thể là hạt hoặc rơm, chúng phải được xử lý nhiệt để làm mất khả năng nảy mầm, và việc xử lý này phải được ghi rõ trong phần tương ứng của Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật." |
|  | G/SPS/N/TZA/418 | BCT | Tanzania | 07/01/2025 | AFDC 15 (769) DTZS:2024, Bánh pizza – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bánh mì dùng để làm pizza. |
|  | G/SPS/N/TZA/417 | BCT | Tanzania | 07/01/2025 | AFDC 15 (2541) DTZS, Đồ ăn nhẹ ăn liền – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đồ ăn nhẹ ăn liền dành cho người tiêu dùng. |
|  | G/SPS/N/TZA/416 | BCT | Tanzania | 07/01/2025 | AFDC 15 (2799) DTZS, món bánh halwa – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Tiêu chuẩn Tanzania quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với món bánh halwa, một loại thực phẩm dành cho người tiêu dùng. |
|  | G/SPS/N/LKA/45/Add.1 | BCT | Sri Lanka | 07/01/2025 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (chất béo chuyển hóa) năm 2021 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (chất béo chuyển hóa) năm 2021 ban hành ngày 29/4/2021 được thông báo trong G/SPS/N/LKA/45.Quy định về thực phẩm (chất béo chuyển hóa) năm 2022 được công bố trong Công báo đặc biệt số 2319/41 ngày 14/02/2023, đã được sửa đổi theo Quy định trong Công báo đặc biệt số 2364/25 ngày 27/12/2023.Những quy định sửa đổi năm 2022 có hiệu lực vào ngày 01/07/2025. |
|  | G/SPS/N/LKA/38/Add.2 | ATTP, BVTV, CLCB,BCT, ty | Sri Lanka | 07/01/2025 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (Nhãn hiệu và quảng cáo) năm 2015 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (Nhãn hiệu và quảng cáo) năm 2015, ban hành ngày 04/12/2015 được thông báo trong G/SPS/N/LKA/38.Bản dự thảo năm 2015 đã được sửa đổi thêm và sau đó được công bố với tên gọi Quy định về thực phẩm (Nhãn hiệu và quảng cáo) năm 2022.Quy định được sửa đổi, bổ sung thêm theo Công báo đặc biệt số 2416/51 ngày 28/12/2024 như sau:• Quy định 2 đến Quy định 13(15) và Quy định 15 cùng với các phụ lục từ I đến IX sẽ có hiệu lực vào ngày 01/7/2025;• Quy định 13(16), 13(17), 13(18) và 14 có hiệu lực vào ngày 01/01/2025 |
|  | G/SPS/N/LKA/34/Add.3 | ATTP | Sri Lanka | 07/01/2025 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (muối Iốt hóa) năm 2013 | Dự thảo sửa đổi Quy định về thực phẩm (muối Iốt hóa) năm 2013, ban hành ngày 18/02/2013, được thông báo trong G/SPS/N/LKA/34 .Quy định hiện nay được sửa đổi bằng cách bãi bỏ điều 1 và thay thế bằng điều sau:Quy định này có thể được trích dẫn là Quy định về thực phẩm (Muối I-ốt hóa) năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025. |
|  | G/SPS/N/CHN/1323 | BVTV | Trung Quốc | 07/01/2025 | Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với phân bón nhập khẩu có nguồn gốc thực vật  | Biện pháp này quy định:1. Các loại phân bón có nguồn gốc thực vật được phép xuất khẩu sang Trung Quốc;2. Các yêu cầu và thủ tục đăng ký tại Trung Quốc đối với các nhà sản xuất phân bón có nguồn gốc từ thực vật và thời hạn hiệu lực của đăng ký;3. Yêu cầu về kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc, bao gồm không có sâu bệnh và các sinh vật gây hại khác, các loài ngoại lai gây hại nghiêm trọng đến sản xuất nông lâm nghiệp và môi trường, không có hạt giống cây trồng, đất, xác động vật, phân động vật, lông gia cầm và các thành phần có nguồn gốc động vật khác và các vật liệu gây nguy cơ mất an toàn sinh học khác;4. Yêu cầu về đóng gói, lưu trữ, vận chuyển phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc và yêu cầu về kiểm tra, chứng nhận chính thức trước khi xuất khẩu;5. Thủ tục kiểm tra phân bón có nguồn gốc thực vật xuất khẩu sang Trung Quốc tại cửa khẩu và các yêu cầu xử lý khi không tuân thủ. |
|  | G/SPS/N/AUS/612 | ATTP, BVTV, BCT, TY | Úc | 07/01/2025 | Cập nhật giấy chứng nhận vệ sinh cho hàng xuất khẩu từ Úc về thực phẩm và đồ uống chế biến, mỡ và dầu động vật ăn được, vitamin và thực phẩm bổ sung, thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi, vỏ động vật, phân bón, và xác động vật | Úc đang thay thế Hệ thống chứng từ xuất khẩu hiện tại (EXDOC) bằng một hệ thống có tên là Hệ thống chứng từ xuất khẩu tiếp theo (NEXDOC). NEXDOC được thiết kế để làm cho hệ thống chứng nhận xuất khẩu của Úc an toàn hơn và phản ứng nhanh hơn với những thay đổi trong điều kiện thương mại.Chứng chỉ xuất khẩu chung của Úc, có tên là Tuyên bố và Chứng nhận điều kiện, được sử dụng cho nhiều loại hàng hóa, sẽ sớm chuyển sang hệ thống NEXDOC. Hệ thống này hỗ trợ xuất khẩu thực phẩm và đồ uống chế biến, mỡ và dầu động vật ăn được, vitamin và thực phẩm bổ sung, thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi, vỏ động vật, phân bón và xác động vật khi không sử dụng chứng chỉ mẫu. Ngoài ra, chứng từ xuất khẩu của Úc để tái xuất hàng hóa nhập khẩu chưa được chế biến hoặc đóng gói lại tại Úc cũng sẽ sớm chuyển sang hệ thống NEXDOC.Những mặt hàng này là những mặt hàng tiếp theo được chuyển đổi sau len, da động vật nhỏ (dê, cừu, hươu, lợn …) và da động vật lớn (bò, trâu) (tháng 11/2024), cá (tháng 9/2024), trứng (tháng 12/2023), mật ong (năm 2022-2023) và sữa (tháng 5/2021).Những thay đổi nhỏ này không ảnh hưởng đến các điều kiện hoặc chứng nhận đã thỏa thuận để tiếp cận thị trường, thông tin đã thỏa thuận song phương về chi tiết lô hàng hoặc các biện pháp kiểm soát theo quy định đối với hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, sẽ có một số thay đổi nhỏ về định dạng và vị trí của một số thông tin trên giấy chứng nhận. Ngoài ra, các giấy chứng nhận mới sẽ có mã (QR) duy nhất. Mã QR cung cấp thông tin cụ thể về lô hàng mà các cán bộ tại biên giới có thể sử dụng để xác nhận tính xác thực của giấy chứng nhận theo thời gian thực. Để xác minh mã QR, các cán bộ biên giới sẽ quét mã thông qua camera điện thoại thông minh.Bộ đề xuất cấp các chứng nhận xuất khẩu mới (Chứng nhận có điều kiện) cho:• Xuất khẩu thực phẩm và đồ uống chế biến, mỡ và dầu động vật ăn được, vitamin và thực phẩm bổ sung, thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi, vỏ động vật, phân bón và xác động vật của Úc;• Tái xuất khẩu hàng hóa nhập khẩu của Úc chưa được tái chế hoặc đóng gói lại tại Úc.Quy trình chuyển đổi bắt đầu từ ngày 10/02/2025, với việc triển khai theo từng giai đoạn cho đến ngày 5/05/2025. Sẽ có một thời gian chuyển tiếp trong đó cho phép sử dụng chứng chỉ cũ hoặc mới (vận chuyển bằng đường hàng không và đường biển).  |
|  | G/SPS/N/USA/3500 | ATTP | Hoa Kỳ | 06/01/2025 | Monterey Mushrooms, LLC nộp đơn kiến nghị về phụ gia thực phẩm; Thông báo về đơn kiến nghị | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) thông báo đã tiếp nhận đơn kiến ​​nghị do Monterey Mushrooms, LLC đệ trình, đề xuất sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm đối với bột nấm vitamin D2 nhằm bổ sung một phương pháp sản xuất mới cho phụ gia này.Đơn kiến nghị về phụ gia thực phẩm đã được tiếp nhận vào ngày 11 tháng 12 năm 2024. |
|  | G/SPS/N/BRA/2365 | BVTV | Bra-xin | 06/01/2025 | Nghị định số 749 ngày 24/12/2024 - Thiết lập Hệ thống chứng nhận e-Phyto trong phạm vi của Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi về việc cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho các sản phẩm thực vật, với mục đích hiện đại hóa và đẩy nhanh quá trình trao đổi chứng nhận giữa các quốc gia. | Thiết lập Hệ thống chứng nhận e-Phyto trong phạm vi của Bộ Nông nghiệp và Chăn nuôi về việc cấp cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho các sản phẩm thực vật, với mục đích hiện đại hóa và đẩy nhanh quá trình trao đổi chứng nhận giữa các quốc gia. |

**B. DANH SÁCH CÁC QUY ĐỊNH VỀ SPS ĐÃ CÓ HIỆU LỰC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| 1. 1
 | G/SPS/N/USA/3310/Add.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 20/01/2025 | Sửa đổi danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; bao gồm chất Myoglobin | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) sửa đổi các quy định về cấp phép phụ gia màu để sử dụng myoglobin như chất phụ gia màu trong các sản phẩm thịt xay và thịt gia cầm xay, đồng thời phản hồi đơn kiến nghị về phụ gia màu do (CAP) do Motif FoodWorks, Inc. đệ trình. Quy định này có hiệu lực từ ngày 19/02/2025. |
| 1. 2
 | G/SPS/N/UKR/194/Add.1 | BVTV | Ucraina | 20/01/2025 | Luật của Ucraina "Quy định của nhà nước đối với lĩnh vực bảo vệ thực vật" | Ucraina thông báo về việc thông qua Luật số 4147-IX “Quy định của nhà nước đối với lĩnh vực bảo vệ thực vật” có hiệu lực từ ngày 17/12/2024.Luật này được công bố trên công báo chính thức vào ngày 17/01/2025 và có hiệu lực vào ngày 17/01/2028. |
| 1. 3
 | G/SPS/N/USA/3368/Add.2 | ATTP | Hoa Kỳ | 17/01/2025 | Kiến nghị về phụ gia màu từ Trung tâm khoa học vì lợi ích cộng đồng và những bên liên quan; và yêu cầu hủy bỏ danh sách phụ gia màu đối với việc sử dụng FD&C Red số 3 trong thực phẩm và thuốc uống | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) chấp thuận kiến nghị về phụ gia màu từ Trung tâm khoa học vì lợi ích cộng đồng (Center for Science in the Public Interest ) và các bên liên quan đề nghị bãi bỏ các quy định cho phép sử dụng FD&C Red No. 3 trong thực phẩm (bao gồm thực phẩm bổ sung) và thuốc uống. Các bên kiến nghị đã cung cấp dữ liệu chứng minh rằng phụ gia này gây ung thư ở chuột đực. Do đó, FDA thu hồi việc sử dụng FD&C Red số 3 trong thực phẩm và thuốc uống theo quy định về phụ gia màu.Quyết định này có hiệu lực từ ngày **15/01/2027**, ngoại trừ hướng dẫn sửa đổi số 4, có hiệu lực từ ngày **18/01/2028**. Các ý kiến khác và yêu cầu tổ chức phiên điều trần về quyết định này đề nghị gửi trước **ngày 18/02/2025**. |
| 1. 4
 | G/SPS/N/CAN/1577/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 14/01/2025 | Mức giới hạn dư lượng tối đa: Flupyradifurone | Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của flupyradifurone được đề xuất trong thông báo G/SPS/N/CAN/1577 (ngày 14/10/2024) đã được thông qua vào ngày 08/01/2025. MRL đề xuất đã được cập nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến |
| 0,03 | Hạt mù tạt (gia vị) |

1 ppm = phần triệu |
| 1. 5
 | G/SPS/N/THA/586/Add.1 | ATTP | Thái Lan | 09/01/2025 | Thông báo số 454 của Bộ Y tế Công cộng (MOPH): "Nước khoáng thiên nhiên" | Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng về “Nước Khoáng Thiên Nhiên” (G/SPS/N/THA/586 ngày 18/10/2022) được đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 11/10/2024 theo Thông báo số 454 của Bộ Y tế.Ngày có hiệu lực: 10/04/2025 |
| 1. 6
 | G/SPS/N/EU/774/Add.1 | ATTP, BVT, TY, CT, CLCB | Liên minh Châu Âu | 09/01/2025 | Dự thảo Quy định về việc sử dụng bisphenol A (BPA) và các bisphenol khác cũng như các dẫn xuất bisphenol, phân loại hài hòa các đặc tính nguy hiểm cụ thể trong một số vật liệuvà các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 và bãi bỏ Quy định (EU) 2018/213 | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/774 (ngày 26/6/2024) đã được thông qua theo Quy định (EU) 2024/3190 ngày 19/12/2024 về việc sử dụng bisphenol A (BPA) và các bisphenol khác cũng như các dẫn xuất bisphenol, phân loại hài hòa các đặc tính nguy hiểm cụ thể trong một số vật liệuvà các vật dụng tiếp xúc với thực phẩm, sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 và bãi bỏ Quy định (EU) 2018/213Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu. |
| 1. 7
 | G/SPS/N/CAN/1574/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 09/01/2025 | Mức giới hạn dư lượng tối đa của Triallate | Mức giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất trong thông báo G/SPS/N/CAN/1574 (ngày 4/10/2024) đã được thông qua vào ngày 25/12/2024. MRL đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến |
| 0,05 | Lúa mạch (nhóm cây trồng phụ 15-21B)2 |

1 ppm = phần triệu2 MRL đã thiết lập là 0,05 ppm cho mặt hàng hạt cỏ đuôi cáo và lúa mạch đã hết hạn và được thay thế bằng MRL 0,05 ppm cho tất cả các loại cây trồng có trong nhóm cây lúa mạch (15-21B). |
| 1. 8
 | G/SPS/N/CAN/1573/Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 09/01/2025 | Mức giới hạn dư lượng tối đa của Spiromesifen | Mức giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất trong thông báo G/SPS/N/CAN/1573 (ngày 4/10/2024) đã được thông qua vào ngày 25/12/2024. MRL đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến |
| 30 | Dầu cam |
| 0,15 | Cam |

1 ppm = phần triệu |
| 1. 9
 | G/SPS/N/CAN/1572/Add.1 | ATTP, TY, BVTV | Canada | 09/01/2025 | Mức giới hạn dư lượng tối đa của Pyridate | Mức giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất trong thông báo G/SPS/N/CAN/1572 (ngày 24/9/2024) đã được thông qua vào ngày 16/10/2024. MRL đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã chế biến |
| 0,6 | Phụ phẩm thịt gia súc, dê, ngựa và cừu |
| 0,05 | Đậu, đậu khô đã bóc vỏ (nhóm cây trồng 6-21F, ngoại trừ đậu lăng khô); đậu nành khô |

1 ppm = phần triệu |
| 1. 10
 | G/SPS/N/BRA/2336/Add.1 | ATTP,BVTV | Bra-xin | 07/01/2025 | Dự thảo Nghị quyết 1284, ngày 27/09/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1284, ngày 27/09/2024 –được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2336, đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 340, ngày 19/12/2024. Quy định này đề xuất đưa thành phần hoạt tính C90 - COFFEA SP vào Danh mục thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ. |
| 1. 11
 | G/SPS/N/BRA/2331/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 07/01/2025 | Dự thảo Nghị quyết 1279, ngày 06/09/2024 | Dự thảo Nghị quyết 1279, ngày 06/09/2024 - được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2331, đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 339, ngày 12/12/2024. Quy định này đề xuất bổ sung hoạt chất Q06 - CHITOSAN vào Danh mục các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ. |
| 1. 12
 | G/SPS/N/CAN/1537/Add.1 | ATTP | Canada | 06/01/2025 | Sửa đổi một số quy định liên quan đến phụ gia thực phẩm và tiêu chuẩn thành phần, tiêu chuẩn vi sinh và phương pháp phân tích thực phẩm | Các dự thảo quy định được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1537 (ngày 8/11/2023) đã được thông qua vào ngày 29/11/2024 và được công bố trên Công báo Canada, Phần II vào ngày 18/12/2024. Các quy định sửa đổi Phần B của Quy định về Thực phẩm và Dược phẩm (FDR), và các sửa đổi Phần A và D của FDR giới thiệu các khuôn khổ hiện đại để thiết lập và cập nhật các quy định về tiêu chuẩn thành phần thực phẩm, tiêu chí vi sinh, phương pháp phân tích và phụ gia thực phẩm. Ngoài ra, các sửa đổi tiếp theo cũng được thực hiện đối với một số quy định theo Đạo luật Cần sa, Đạo luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (2001), Đạo luật Kiểm soát sâu bệnh, Đạo luật An toàn thực phẩm Canada và Đạo luật Thức ăn chăn nuôi. |

*- Nội dung chi tiết được đăng tải tại:* [*www.spsvietnam.gov.vn*](http://www.spsvietnam.gov.vn) *hoặc* [*https://docs.wto.org/*](https://docs.wto.org/)

*- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế, Vụ KHCN - Bộ CT); BVTV: Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CN: Chăn nuôi; CT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương; TY: Thú y. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện.*